

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2022

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Sơn B, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt ngày 25/4/2022).

- Bị đơn: Chị Lâm Thị C, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2022, biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2022, nguyên đơn, anh Sơn B trình bày: Anh và chị Lâm Thị C xây dựng hôn nhân năm 2006, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Đến năm 2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 02, ngày 04/10/2007. Vợ chồng anh có 02 con chung tên: Sơn Thị D, sinh ngày 26/6/2007 và Sơn E, sinh ngày 10/8/2012, các con đang sống chung với anh. Nguyên nhân ly hôn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng ý kiến dẫn đến cự cãi, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2019 đến nay, không có biện

pháp gì để hàn gắn tình cảm nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lâm Thị C, không yêu cầu đoàn tụ. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu Sơn Thị D, Sơn E, không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng anh chung sống không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Công việc của anh B là làm hồ, làm thuê, thu nhập trung bình mỗi ngày là 250.000 đồng, một tháng trung bình là 6.500.000 đồng, với thu nhập này anh và các con vẫn đủ chi phí sinh hoạt, lo cho con ăn học, gia đình anh là hộ dân tộc Khmer nên được miễn, giảm các khoản học phí, lệ phí và các khoản thu khác khi con đi học.

Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã nhiều lần trực tiếp đến nhà chị Lâm Thị Huỳnh để tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Lâm Thị Huỳnh không đến Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu theo giấy mời nên không ghi nhận được ý kiến của chị Lâm Thị C đối với yêu cầu khởi kiện của anh Sơn B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Sơn B đối với chị Lâm Thị C, giao con cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở; tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Sơn B yêu cầu ly hôn với chị Lâm Thị C, hiện nay chị C đang cư trú tại ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Sơn B có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Lâm Thị C đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh B và chị C theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Sơn B và chị Lâm thị C chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 02, ngày 04/10/2007. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị C là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.”

[5] Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Trưởng ấp G, xã H, huyện A cho biết anh B và chị C không còn sống chung với nhau từ năm 2019 đến nay. Theo anh B xác nhận anh và chị C chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, không có biện pháp hàn gắn. Mặt khác, chị C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng để Tòa án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa anh B và chị C đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cuộc sống chung không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B đối với chị C.

[6] Về con chung: Anh Sơn B xác định anh và chị C chung sống có hai con chung tên Sơn Thị D, sinh ngày 26/6/2007 (Giới tính: Nữ) và Sơn E, sinh ngày 10/8/2012 (Giới tính: Nam), các con đang sống chung với anh B. Khi ly hôn, anh B yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay các cháu Sơn Thị D và Sơn E đang sống ổn định với anh B; mặt khác, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Anh và cháu Tiên đều có nguyện vọng được sống chung với anh B. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị C đối với yêu cầu nuôi con của anh B. Do đó, cần tiếp tục giao các cháu Sơn Thị D và Sơn E cho anh B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; do anh B không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Chị C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Anh B xác nhận anh và chị C chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Anh B chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[9] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Sơn B đối với chị Lâm Thị C. Xử cho anh Sơn B ly hôn với chị Lâm Thị C.

2. Về con chung: Tiếp tục giao các cháu Sơn Thị D, sinh ngày 26/6/2007 (Giới tính: Nữ) và Sơn E, sinh ngày 10/8/2012 (Giới tính: Nam) cho anh Sơn B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Lâm Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Sơn B không yêu cầu.

Chị Lâm Thị C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Anh Sơn B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh Sơn B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000920 ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A
- UBND xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

Bị đơn ông Trần Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

[1] Bà Phan Thị Bích Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H. Ông H có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. 3

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

